

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Bùi Quý Long**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Lập;**

2. Bà **Nguyễn Thị Lan.**

- Thư ký phiên toà: Ông **Phạm Văn Hùng-** Thư ký Toà án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Ông **Phạm Sỹ Phụng-** Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 22/2018/TLST-HS ngày 27 tháng 03 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2018/QĐXXST- HS, ngày 05 tháng 4 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. **Phạm Văn T**, sinh năm 1999 tại thôn ĐN, xã TT, huyện GL, tỉnh Hải Dương; Trú tại: Thôn ĐN, xã TT, huyện GL, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Chưa xác định và bà Phạm Thị B (Đã chết); Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 04/01/2018 Phạm Văn T thực hiện hành vi phạm tội: Mua bán trái phép chất ma túy (*Hành vi phạm tội sau, xét xử trước*). Bản án số 12/2018/HSST ngày 06/3/2018 của Toà án nhân dân huyện Gia Lộc xử phạt T 26 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, ngày 04/01/2018.

Bị cáo đang bị tạm giam trong vụ án khác (Hiện vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương xét xử ngày 06/3/2018).

2. **Lê Xuân N**, sinh năm 1997 tại huyện GL, tỉnh Hải Dương; Trú tại: Thôn PK, xã HH, huyện GL, tỉnh Hải Dương; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Chưa xác định và bà Lê Thị H- Sinh năm 1964; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị can đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Kim Chi- Công an tỉnh Hải Dương từ ngày 16/01/2018;

3. Những người bị hại:

- Ông Đỗ Văn T1- Sinh năm 1970. Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Trú tại: Thôn BT, xã TT, huyện GL, tỉnh Hải Dương.

- Anh Lương Đức T4, sinh năm 1980 và chị Đào Thị T5, sinh năm 1986. Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đều trú tại: Thôn A, xã LL, huyện GL, tỉnh Hải Dương.

4. Những người làm chứng:

- Anh Phạm Viết Đ2, sinh năm 1984. Vắng mặt có lý do.

Trú tại: Thôn Đ Đ, xã TK, huyện GL, tỉnh Hải Dương.

- Anh Đỗ Văn D, sinh năm 1992. Vắng mặt có lý do.

Trú tại: Thôn ĐL, xã VT, huyện TK, tỉnh Hải Dương.

- Bà Vũ Thị L, sinh năm 1968. Vắng mặt.

Trú tại: Thôn C, xã PH, huyện GL, tỉnh Hải Dương.

- Anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1982. Vắng mặt.

Trú tại: Thôn AL, xã DC, huyện TK, tỉnh Hải Dương.

- Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1988. Vắng mặt.

Trú tại: Thôn TT, xã CL, huyện TK, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ thứ nhất: Phạm Văn T có quen biết Lê Xuân N, đồng thời T có thuê phòng trọ của chị Vũ Thị L- Sinh năm 1968, ở thôn C, xã PH, huyện GL. Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 03/12/2017, tại phòng trọ của T, T rủ N đi trộm cắp xe máy để bán lấy tiền tiêu xài thì N đồng ý. Lúc này, N chuẩn bị sẵn 01 chiếc chìa khóa xe máy mà N nhặt được trước đó rồi cả hai đi bộ từ khu vực thôn C, xã PH, huyện GL sang thôn BT, xã TT, huyện GL. Khoảng 19 giờ cùng ngày, khi đến khu vực trước cửa nhà ông Đỗ Văn T2- Sinh năm 1968, ở thôn BT, xã TT, huyện GL thì cả hai phát hiện chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Dream, BKS 14H2- 6240 của anh Đỗ Văn T1- Sinh năm 1970 là người cùng thôn đang dựng trước cổng nhà ông T2, đuôi xe quay ra đầu ngõ, xe không khóa cổ, khóa càng (*Anh T đang ngồi trong nhà ông T1*). Quan sát không thấy ai nên N đứng cạnh giới để T tiến lại vị trí xe mô tô BKS 14H2- 6240, gạt chân chống, dong xe ra ngoài rồi ngồi lên xe. Thấy vậy, N đẩy xe mô tô BKS 14H2- 6240 ra đầu ngõ

được khoảng 200 mét thì đổi lái cho N. N dùng chiếc chìa khóa xe máy cho vào ổ khóa điện để nổ máy điều khiển về phòng trọ của T.

Sáng ngày 04/12/2017, T cùng với N dùng 01 chiếc tuốc nơ vít màu đỏ đen, loại 4 cạnh dài 23 cm để tháo BKS xe mô tô 14H2- 6240, rồi cả hai vít chiếc biển số xe cùng chiếc tuốc nơ vít trên vào trong gầm giường phòng trọ. Sau đó, T điều khiển xe mô tô chở N đến nhà anh Nguyễn Văn T3- Sinh năm 1995, ở thôn CD, xã NT, huyện GL, tỉnh Hải Dương với mục đích vay số tiền 1.700.000 đồng. Do không biết chiếc xe mô tô trên do T phạm tội mà có nên anh T3 đồng ý cho T vay số tiền 1.700.000 đồng đồng thời yêu cầu T để lại chiếc xe mô tô trên làm tin. Nhận tiền, T chia cho N 850.000 đồng, cả hai đã tiêu xài hết số tiền trên. Khoảng 1 tuần sau, T đi bộ sang nhà anh Phạm Văn Đ- Sinh năm 1982, ở thôn AL, xã DC, huyện TK, tỉnh Hải Dương. Tại đây, T nói với Đ về việc: Có xe Dream đang cầm bên B, xem có ai mua hộ thì bán. Do không biết chiếc xe mô tô trên do T phạm tội mà có nên anh Đ đã giới thiệu cho anh Phạm Viết Đ2- Sinh năm 1984, ở thôn ĐĐ, xã TK, huyện GL, tỉnh Hải Dương. Lúc này, do không biết xe mô tô trên do T phạm tội mà có nên anh Đ2 đã đồng ý mua với số tiền 4.000.000 đồng. Tại đây, anh Đ2 đưa tiền cho một người bạn của anh Đ2 tên là S (*Không rõ địa chỉ*) để đi cùng T sang nhà anh T3 lấy xe. Đến nơi, S đưa cho T số tiền 4.000.000 đồng, T nhận tiền rồi trả anh T3 số tiền 2.000.000 đồng (*bao gồm: Số tiền 1.700.000 đồng T nợ trước đó và T cho anh T3 300.000 đồng*) rồi cùng với S điều khiển xe mô tô 14H2- 6240 về nhà anh Đ2. Tại đây, T cho anh Đ số tiền 300.000 đồng, số tiền còn lại 1.700.000 đồng T đã tiêu xài cá nhân hết. Sau một thời gian không thấy T về phòng trọ, chị Vũ Thị L đã mở cửa phòng của T thì phát hiện 01 chiếc biển số xe 14H2- 6240 cùng 01 chiếc tuốc nơ vít nên ngày 15/01/2018, chị L đã tự giác giao nộp số vật chứng trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Gia Lộc quản lý.

Tại Kết luận của hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 34 ngày 12/01/2018 kết luận: Trị giá 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, màu sơn nâu do Việt Nam sản xuất, xe mang biển kiểm soát 14H2- 6240, số khung A08E1106134, số máy 080X8Y088475, xe đã qua sử dụng là: 12.500.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 18 giờ ngày 01/01/2018, do không có tiền tiêu xài nên Phạm Văn T đã nảy sinh ý định đi trộm cắp xe máy để bán lấy tiền tiêu xài. T đi bộ từ phòng trọ của T ở thôn C, xã PH, huyện GL xuống khu vực thôn A, xã LL, huyện GL. Khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, khi đi qua nhà ông Lương Văn Q- Sinh năm 1955, ở thôn A, xã LL thì T phát hiện chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius BKS 34M5- 7493 của vợ chồng anh Lương Đức T4- Sinh năm 1980 và chị Đào Thị T5- Sinh năm 1986, ở thôn A, xã LL, huyện GL đang dựng trước cửa nhà ông Q (*Anh T4 đến nhà ông Q để dự đám sang cát*), xe không khóa cổ, khóa càng, chìa khóa xe vẫn cắm ở ổ khóa điện. Thấy không có

ai trông coi nên T tiến lại gạt chân chống xe, dùng hai tay dong xe ra khỏi vị trí ban đầu khoảng 5 mét theo hướng về thị trấn GL, huyện GL rồi bật chìa khóa xe máy, điều khiển về cất giấu tại phòng trọ của T. Sáng ngày 03/01/2018, T điều khiển xe mô tô trộm cắp sang nhà anh Nguyễn Văn B- Sinh năm 1988, ở thôn TT, xã CL, huyện TK, tỉnh Hải Dương. Cùng lúc này, anh Đỗ Văn D- Sinh năm 1992, ở thôn ĐL, xã VT, huyện TK cũng đến nhà anh B ngồi chơi. Thấy vậy, B nói với D về việc: “*T có xe, D có mua không*”. Do không biết chiếc xe mô tô trên là tài sản do T phạm tội mà có nên anh D đã đồng ý mua với số tiền 1.000.000 đồng. T nhận số tiền trên và đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại Kết luận của hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 135 ngày 01/3/2018 kết luận: Trị giá 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu sơn đỏ bạc, loại phanh cơ, xe mang Biển kiểm soát 34M5- 7493, số khung 106Y006004, số máy 5C61006044, xe đã qua sử dụng, xe đăng ký lần đầu năm 2006 là 5.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 23/QĐ- VKS- GL ngày 26/3/2018, Viện kiểm sát nhân dân (viết tắt là VKSND) huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương truy tố Phạm Văn T và Lê Xuân N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự (viết tắt là BLHS).

Đại diện VKSND huyện Gia Lộc giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ N quan điểm như đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn T và Lê Xuân N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s, r khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; khoản 2 Điều 56; Điều 38 BLHS; Xử phạt bị cáo T từ 12 đến 15 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 26 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy tại bản án số 12/2018/HSST ngày 06/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án từ 38 đến 41 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 04/01/2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s, i khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS; Xử phạt bị cáo N từ 8 tháng đến 10 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 16/01/2018.

Hình phạt bổ sung: Không.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS và điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS; Tịch thu tiêu hủy 01 tuốc nơ vít dài 23cm, chuôi bằng nhựa tổng hợp màu đỏ đen, loại bốn cạnh, đã qua sử dụng là công cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội; Truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền 4.150.000đồng của Phạm Văn T và số tiền 850.000đồng của Lê Xuân N do phạm tội mà có.

Về án phí: Các bị cáo có tội phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo nói lời sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt.

Những người bị hại: Ông Đỗ Văn T1 và anh Lương Đức T4, sinh năm 1980 và chị Đào Thị T5 vắng mặt tại phiên tòa song tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt đều xác định đã nhận lại tài sản các bị cáo đã trộm cắp và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Phạm Viết Đ2 xác định không yêu cầu các bị cáo T, N phải bồi thường số tiền 4.000.000 đồng do không biết các bị cáo trộm cắp nên anh đã mua xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, màu sơn nâu, Biển kiểm soát 14H2- 6240 và đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh Đỗ Văn D không yêu cầu bị cáo T phải bồi thường số tiền 1.000.000 đồng do không biết các bị cáo trộm cắp nên anh đã mua xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu sơn đỏ bạc, biển kiểm soát 34M5- 7493 và đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Gia Lộc, Điều tra viên, VKSND huyện Gia Lộc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo Phạm Văn T và Lê Xuân N tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người làm chứng, Kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 19 giờ ngày 03/12/2017, tại khu vực trước cửa nhà ông Đỗ Văn T2- Sinh năm 1968, ở thôn BT, xã TT, huyện GL, tỉnh Hải Dương, lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản nên Lê Xuân N đã có hành vi cảnh giới để Phạm Văn T lén lút dùng hai tay quay ngược xe, gạt chân chống để chiếm đoạt chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Dream BKS 14H2- 4260 trị giá 12.500.000 đồng của anh Đỗ Văn T1- Sinh năm 1970, ở thôn BT, xã TT, huyện Gia Lộc.

Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 01/01/2018, tại khu vực trước cửa nhà ông Lương Văn Q- Sinh năm 1955, ở thôn A, xã LL, huyện GL, tỉnh Hải Dương, lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản nên Phạm Văn T đã có hành vi lén lút gạt chân chống, sau đó dong xe máy để chiếm đoạt chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius BKS 34M5- 7493 trị giá 5000.000 đồng của vợ chồng anh Lương Đức T4- Sinh năm 1980 và chị Đào Thị T5- Sinh năm 1986, ở

thôn A, xã LL, huyện GL. Tổng giá trị tài sản Phạm Văn T trộm cắp là **17.500.000** đồng. Giá trị tài sản Lê Xuân N trộm cắp là **12.500.000** đồng. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác, không thuộc sở hữu của mình là hành vi trái pháp luật hình sự, nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện nên hành vi của các bị cáo đủ tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173- Bộ luật hình sự. Xác định quyết định truy tố của VKSND huyện Gia Lộc đối với các bị cáo là hoàn toàn có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vì muốn có tiền ăn chơi tiêu xài nên trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu về tài sản được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an trên địa bàn huyện Gia Lộc. Do đó, cần thiết phải có mức hình phạt nghiêm đối với các bị cáo để giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội đồng thời cũng là bài học cảnh tỉnh cho những người khác còn có ý thức coi thường kỷ cương pháp luật của Nhà nước.

Về vai trò của các bị cáo trong vụ án này, HĐXX xét thấy: Ở hành vi thứ nhất các bị cáo có sự thống nhất ý chí cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và đều là người thực hành nhưng giữa các bị cáo không có sự phân công cấu kết chặt chẽ với nhau nên đây chỉ là vụ án đồng phạm giản đơn. Bị cáo Phạm Văn T là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, cất giữ tài sản trộm cắp và mang tài sản trộm cắp đi tiêu thụ nên T giữ vai trò thứ nhất trong vụ án. Bị cáo Lê Xuân N là người chuẩn bị chiếc chìa khóa xe mô tô và đứng ngoài cảnh giới, cùng T cất giấu tài sản trộm cắp nên N giữ vai trò thứ hai trong vụ án. Ở hành vi thứ hai bị cáo Phạm Văn T một mình thực hiện hành vi phạm tội đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên T phải chịu trách nhiệm độc lập về hành vi phạm tội của mình.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo T thực hiện 02 hành vi trộm cắp tài sản, mỗi hành vi đều đủ định lượng cấu thành tội nên bị cáo T phải chịu tình tiết tăng nặng "phạm tội nhiều lần", quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52- Bộ luật hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình, được người bị hại ông Đỗ Văn T1 xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS. HĐXX sẽ xem xét áp dụng đối với cả hai bị cáo khi quyết định hình phạt. Bị cáo T được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ Tự thú quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo N phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS. HĐXX sẽ xem xét áp dụng tình tiết này cho các bị cáo T, N khi quyết định hình phạt. Đối với bị cáo Phạm Văn T hình phạt của bản án này sẽ được tổng hợp với hình phạt tại bản án số 12/2018/HSST, ngày

06/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc xét xử bị cáo về tội Mua bán trái phép chất ma túy đã có hiệu lực pháp luật, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo là phù hợp với khoản 5 Điều 173- Bộ luật hình sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Cơ quan điều tra đã trả lại cho người bị hại là anh Đỗ Văn T1 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, màu sơn nâu, số khung 080X8Y088475, số máy A08F- 1106134 cùng 01 Biển số xe 14H2- 6240. Trả lại cho anh Lương Đức T4 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu sơn đỏ bạc gắn BKS 34M5- 7493, số khung 106Y006044, số máy 5C61006044. Anh Thao và anh T4 đã nhận lại số tài sản trên, trách nhiệm dân sự đã xong và không đề nghị gì. Anh Phạm Viết Đ2 không yêu cầu các bị cáo T, N phải bồi thường số tiền 4.000.000 đồng, anh Đỗ Văn D không yêu cầu bị cáo T phải bồi thường số tiền 1.000.000đồng và đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật nên không đặt ra việc giải quyết là phù hợp. HĐXX không xem xét, giải quyết.

[8] Về vật chứng: Đối với 01 chiếc tuốc nơ vít dài 23cm, chuôi bằng nhựa tổng hợp màu đỏ đen, loại bốn cạnh, đã qua sử dụng là công cụ, phương tiện mà các bị cáo dùng vào việc phạm tội không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy; Đối với số tiền 4.000.000đồng T bán chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, màu sơn nâu, biển kiểm soát 14H2- 6240 cho anh Phạm Viết Đ2, T đã chia cho N số tiền 850.000đồng. Đối với số tiền 1.000.000đồng do T bán chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu sơn đỏ bạc, biển kiểm soát 34M5- 7493 cho anh Đỗ Văn D. Anh Đ2 và anh D không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường và đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. HĐXX xác định số tiền 4.150.000đồng do T phạm tội mà có và số tiền 850.000đồng do N phạm tội mà có nên cần truy thu sung quỹ Nhà nước theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS và điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

Đối với chiếc chìa khóa mà N dùng vào việc mở khóa ổ điện xe mô tô BKS 14H2- 6240, quá trình điều tra N xác định không biết rơi ở đâu nên không có căn cứ để truy tìm. HĐXX không xem xét, giải quyết.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 136 BLTTHS, Luật phí và lệ phí năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14.

Trong vụ án này còn có anh Phạm Viết Đ2 và anh Đỗ Văn D đã mua hai chiếc xe mô tô do Phạm Văn T phạm tội mà có. Anh Đ và anh B có hành vi giới thiệu để anh Đ2 và anh D mua xe của T. Tuy nhiên, các anh Đ2, Duy, Đ và B không biết chiếc xe mô tô trên là tài sản do phạm tội mà có nên không có căn cứ xem xét xử lý.

Chị Vũ Thị L là chủ nhà trọ không biết việc T thuê nhà trọ của mình là nơi cất giấu xe mô tô do T, N phạm tội mà có nên không đặt ra việc xử lý là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Văn T và Lê Xuân N phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s, r khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 56; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 12 (*Mười hai*) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 26 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" tại bản án số 12/2018/HSST, ngày 06/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 38 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 04/01/2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s, i khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Xuân N 8 (Tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 16/01/2018.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS và điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc tuốc nơ vít dài 23cm, chuôi bằng nhựa tổng hợp màu đỏ đen, loại bốn cạnh, đã qua sử dụng (*Đặc điểm vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/4/2018 giữa cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Gia Lộc và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc*).

Truy thu số tiền 4.150.000đồng của bị cáo Phạm Văn T và số tiền 850.000đồng của bị cáo Lê Xuân N sung quỹ Nhà nước (Chưa thu).

3. Về án phí: khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Phạm Văn T và Lê Xuân N mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 BLTTHS năm 2015. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (16/4/2018). Những người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- VKSND, Công an, THADS huyện Gia Lộc;
- Trại tạm giam Kim Chi
- Bị cáo T; N;
- Những người bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

BÙI QUÝ LONG